

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hồ Đức Quang

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Linh Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, Theo Quyết định mở phiên họp số 25/2019/QĐ-TA ngày 18/9/2019 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Đương sự thứ nhất: Chị Đàm Thị V, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

2. Đương sự thứ hai: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 11, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang làm việc tại Yamanashi, Shimonoseki-shi, Hikoshima Shiohama-cho 1-11-16 Nhật Bản).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, bản tự khai chi Đàm Thị V và anh Nguyễn Văn Đ trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị V và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ lẫn nhau, cuộc sống hết sức nặng nề. Năm 2014 anh Nguyễn Văn Đ đi lao động tại Nhật Bản và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị V và anh Đ đều nhận thấy tình cảm vợ

chồng đã quá trầm trọng, không còn tình cảm yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đàm Thảo T, sinh ngày 29/12/2009 và cháu Nguyễn Đàm Thảo N, sinh ngày 11/3/2014. Chị Đàm Thị V và anh Nguyễn Văn Đ thỏa thuận giao cả hai con cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ có trách nhiệm đóng góp nuôi con mỗi cháu 1.500.000đồng/ tháng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Đàm Thị V và anh Nguyễn Văn Đ đều có yêu cầu tòa án không mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như yêu cầu được giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn Đ hiện đang lao động tại Nhật Bản, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời chị V và anh Đ đều có yêu cầu được giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị V và anh Đ theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị V và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của chị Đàm Thị V và anh Nguyễn Văn Đ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ lẫn nhau. Năm 2014 anh Đ đi lao động tại Nhật Bản và hai người sống ly thân cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Cả hai đều nhận thấy tình cảm

vợ chồng đã quá trầm trọng, không còn tình cảm yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....*”

Như vậy, cả chị V và anh Đ đều có cùng yêu cầu thỏa thuận xin ly hôn và đã tự nguyện thỏa thuận về các vấn đề tình cảm, nuôi con... Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Chị Đàm Thị V và anh Nguyễn Văn Đ đều thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đàm Thảo T, sinh ngày 29/12/2009 và cháu Nguyễn Đàm Thảo N, sinh ngày 11/3/2014 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ có trách nhiệm đóng góp nuôi con mỗi cháu 1.500.000đồng/ tháng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Xét thấy, từ khi anh Đ đi nước ngoài làm ăn thì con chung do chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các cháu vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Riêng cháu Nguyễn Đàm Thảo T đã trên 07 tuổi và có đơn nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn, nuôi con của chị Đàm Thị V và anh Nguyễn Văn Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đàm Thị V và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con Nguyễn Đàm Thảo T, sinh ngày 29/12/2009 và Nguyễn Đàm Thảo N, sinh ngày 11/3/2014 cho chị Đàm Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng, **kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi (hoặc đến**

khí có sự thay đổi về quyền nuôi con). Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con của chị Đàm Thị V. Chị V đã nộp 300.000đồng tại biên lai số 001339 ngày 04/9/2019 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh, nay còn phải nộp 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Quảng Châu;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Hồ Đức Quang